

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2025

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung sau ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền

Ông Vi Thanh Cầm

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Đồi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2025 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị **Liễu Thị L**, sinh năm 1986. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ tại Đài Loan: Số nhà B, phố D, thôn V, thị trấn C, huyện H, lãnh thổ Đài Loan.

****Bị đơn:*** Anh **Đinh Ngọc T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn C (nay là thôn K), xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người được ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Chị Lê Thị Bình T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 27/02/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/5/2025; Bản tự khai ngày 27/02/2025, nguyên đơn chị Liễu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 13/03/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018, bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và bất đồng quan điểm sống khiến tình cảm vợ chồng không còn như trước. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên cuối năm 2022 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Ngọc T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Ngọc Q sinh ngày 16/09/2007 và cháu Đinh Thế V sinh ngày 18/07/2012. Hiện nay chị đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan, không thể trực tiếp nuôi con. Vì vậy khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Đinh Ngọc Q và Đinh Thế V cho chồng chị là anh Đinh Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Đinh Ngọc Vinh Q với mức 1.500.000^d (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng và con Đinh Thế V với mức 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi 2 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không thể có mặt trực tiếp tham gia quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn nên chị đề nghị:

- Tòa án không tiến hành hòa giải, chị không lựa chọn hòa giải viên.
- Được vắng mặt trong các phiên làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử (Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/02/2025).
- Đề nghị Tòa án tiến hành mở Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án.

Ủy quyền cho chị Lê Thị Bình T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh thực hiện các thủ tục sau: Nhận thông báo nộp tạm ứng án phí, nộp tiền tạm ứng án phí, nhận thông báo thụ lý vụ án, nhận bản án của Tòa án và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến việc ly hôn mà theo quy định của pháp luật được phép ủy quyền.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025, bị đơn anh Đinh Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể, anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh và chị L có cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Cuối năm 2022 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận như chị L trình bày. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh tại thôn C (nay là thôn K), xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Do chị L đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan, không thể trực tiếp nuôi con, chị L có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao hai con là Đinh Ngọc Q và Đinh Thế V cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Đinh Ngọc Vinh Q với mức 1.500.000^d (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng và con Đinh Thế V với mức 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi 2 con đủ 18 tuổi. Anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các thủ tục tố tụng tại Tòa án: Anh đề nghị:

- Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định Tại thông báo thụ lý vụ án.

- Được vắng mặt trong tất cả các phiên làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2025, con chung là cháu Đinh Ngọc Q và cháu Đinh Thế V trình bày:

Cháu Đinh Ngọc Q sinh ngày 16/09/2007 và cháu Đinh Thế V sinh ngày 18/07/2012 là con chung của ông Đinh Ngọc T và bà Liễu Thị L. Hiện nay, các cháu đang sống cùng bố tại thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nay bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống cùng bố và nhất trí với mức cấp dưỡng hàng tháng mà mẹ đề nghị.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian mà Tòa án đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án và việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Chị Liễu Thị L và anh Đinh Ngọc T kết hôn năm 2006. Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt

đầu phát sinh từ năm 2018 do bất đồng về quan điểm sống và tính cách. Năm 2022 chị L đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, ít về thăm gia đình, do khoảng cách địa lý, hai bên không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời anh Đinh Ngọc T cũng nhất trí với đề nghị ly hôn của chị L. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có hai con chung là cháu Đinh Ngọc Q, sinh ngày 16/9/2007 và Đinh Thế V, sinh ngày 18/7/2012, hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay anh T là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L có yêu cầu được giao hai con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Thế V với số 2.500.000đ/tháng và cháu Đinh Quang N với số tiền 1.500.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T nhất trí. Đồng thời các cháu Đinh Ngọc Q, Đinh thế V có nguyện vọng ở với anh T nếu chị L, anh T ly hôn và nhất trí mức cấp dưỡng mà chị L đã tự nguyện đưa ra. Xét thấy hiện nay chị L đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng các con; thời gian chị L đi xuất khẩu lao động hai con chung đều do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó việc chị L đề nghị giao hai con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện đưa ra mức cấp dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú, sinh sống tại tỉnh Bắc Kạn, nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy đủ căn cứ xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 28, 37, 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử:

Hiện nay, nguyên đơn đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Liễu Thị L có Giấy ủy quyền ngày 27/02/2025 ủy quyền cho chị Lê Thị Bình T1 thực hiện các thủ tục: Nhận thông báo nộp tạm ứng án phí, nộp tiền tạm ứng án phí, nhận thông báo thụ lý vụ án, nhận bản án của Tòa án và thực hiện các thủ tục khác liên

quan đến việc ly hôn mà theo quy định của pháp luật được phép ủy quyền. Việc ủy quyền được Văn phòng K tại Đ xác nhận. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn sẽ thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hạn giải quyết vụ án:

Theo Thông báo thụ lý vụ án, Tòa án ấn định thời gian mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 26/11/2025, thời gian mở phiên tòa vào ngày 26/02/2026 là đúng thời hạn quy định tại Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều đề nghị Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và mở phiên tòa trước các mốc thời hạn Tòa án đã ấn định. Mặt khác chị L và anh T đều được tiếp cận đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng đã cung cấp cho Tòa án đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Do vậy, việc Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử trước các mốc thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX thấy:

Chị Liễu Thị L và anh Đình Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/03/2006 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy hôn nhân giữa chị L và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh T đều thừa nhận, sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2018, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và tính cách khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Do điều kiện kinh tế khó khăn, cuối năm 2022 chị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng chị L, anh T ly thân từ đó đến nay, do sống xa cách về địa lý, không có điều kiện chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, cũng như nuôi dạy con cái nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Cả chị L và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56/Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Liễu Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh T đều xác nhận: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là cháu Đình Ngọc Q sinh ngày 16/09/2007 và cháu Đình Thế V sinh ngày 18/07/2012. Hiện nay chị L đang làm việc và sinh sống tại Đài Loan, không thể trực tiếp nuôi con, các con đang sinh sống cùng anh T tại thôn C (nay là thôn K), xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao 02 con là Đình Ngọc Q và Đình Thế V cho anh Đình Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành. Anh T nhất trí. Cháu Đình Ngọc Q và cháu Đình Thế V cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với bố.

Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là hoàn toàn tự nguyện và

phù hợp với thực tế bởi anh T2 hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có chỗ ở, việc làm, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con, còn chị L đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do vậy căn cứ Điều 81/Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung, anh T2 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là cháu Đình Ngọc Q và cháu Đình Thế V cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Đình Ngọc Vinh Q với mức là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng và con chung Đình Thế V với mức 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Anh Đình Ngọc T nhất trí với yêu cầu của chị L. Do vậy căn cứ Điều 82/Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Liễu Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 49, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đ a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 116, Điều 117 và Điều 122, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Liễu Thị L, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Liễu Thị L được ly hôn với anh Đình Ngọc T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đình Ngọc Q sinh ngày 16/09/2007 và cháu Đình Thế V sinh ngày 18/07/2012 cho anh Đình Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Liễu Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Đình Ngọc Q với mức là 1.500.000^d (Một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng và con chung Đình Thế V với mức 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm

ngàn đồng)/tháng cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Liễu Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000080 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Nguyên đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn; (Khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Đương sự;
- UBND xã Bản Ngoại; (Khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Lưu Tổ HCTP;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai